

Chọn từ trong ngoặc điền vào chỗ trống

1. 你是哪国人?

Nǐ shì nǎ guó rén?

我是.....人。(中国/汉语)

Wǒ shì.....rén. (Zhōngguó/hànyǔ)

2. 你学习什么?

Nǐ xuéxí shénme?

我学习.....。(英语/书)

Wǒ xuéxí.....(Yīngyǔ/shū)

3. 这是什么杂志?

Zhè shì shénme zázhì?

这是.....杂志。(法文/老师)

Zhè shì.....zázhì. (Fǎwén/lǎoshī)

4. 这是谁的杂志?

Zhè shì shéi de zázhì?

这是.....的杂志。(英语/我朋友)

Zhè shì.....de zázhì. (Yīngyǔ/wǒ péngyǒu)

5. 你学习英语吗?

Nǐ xuéxí yīngyǔ ma?

不。学.....。(英语/汉语)

Bù. Xué.....(Yīngyǔ/hànyǔ)